TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/DS-ST
Ngày 11 tháng 8 năm 2025
V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Thị Tuyết Anh**

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Khưu Liên Dung**
2. Ông **Lê Tuấn Kiệt**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Hà Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Minh Muội** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 355/2025/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 04/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Công ty Cổ phần S**

Trụ sở chính: Số A, N, phường T, Tỉnh Nghệ An;

Người đại diện theo pháp luật: Ông K N1. Chức vụ: Giám đốc Công ty Cổ phần S;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kiều D, sinh năm 1991. Chức vụ: Nhân viên Công ty Cổ phần S. (Theo giấy ủy quyền số 32/2024/UQ-SVN ngày 31/12/2024).

Địa chỉ: Số A, T, Khóm B, phường B, tỉnh Cà Mau.

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Tuyết L**, sinh năm 1968; Địa chỉ: Số B, Khóm G, phường B, tỉnh Cà Mau.

(Đại diện Công ty Cổ phần S và bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kiều D trình bày: Vào ngày 24/9/2020, bà Nguyễn Thị Tuyết L có ký kết với Công ty TNHH S1 (nay là Công ty Cổ phần S) (sau đây gọi tắt là Công ty) Hợp đồng cầm cố số BAM200901040NA15X, có nội dung cụ thể như sau: Bà L cầm cố cho Công ty 01 xe gắn máy biển kiểm soát 94K1-259.50, nhãn hiệu: Honda Airblade; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 114005 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 24/6/2020 cho bà Nguyễn Thị Tuyết L; giá cầm cố là 14.400.000 đồng; thời hạn cầm cố 12 tháng, kể từ ngày 24/9/2020 đến ngày 24/9/2021; mục đích cầm cố: phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh; lãi suất trong hạn cố định là 1.1%/tháng trên dư nợ thực tế. Bà L có giao cho Công ty giữ bản chính chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 114005 do bà L đứng tên. Công ty đã giao đủ số tiền cầm cố cho bà L vào ngày 24/9/2020.

Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, ngày 24/9/2020 bà L đã ký giấy mượn xe với Công ty xin mượn lại chiếc xe để phục vụ đi lại và cam kết theo nội dung giấy mượn xe. Thời hạn mượn xe là 30 ngày kể từ ngày 24/9/2020 đến ngày 24/10/2020. Công ty đã đồng ý cho khách hàng mượn tài sản nêu trên theo nguyện vọng và khách hàng cam kết thực hiện đúng nội dung đã ký cam kết trên hợp đồng và giấy mượn xe, giấy tờ khác liên quan.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố bà L đã thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Công ty. Kể từ ngày ký hợp đồng cầm cố với Công ty, bà L chỉ thanh toán cho Công ty số tiền 1.654.000 đồng (trong đó: gốc 900.000 đồng; lãi phí 754.000 đồng). Công ty đã nhiều lần liên hệ, tạo điều kiện cho bà L trả nợ nhưng bà L cố tình trốn tránh không thanh toán nợ.

Do đó, Công ty yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L trả cho Công ty số tiền vốn gốc 13.500.000 đồng và lãi phát sinh theo Hợp đồng cầm cố đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ, lãi suất 1,1%/tháng. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện về phần này.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Tuyết L: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập bà L tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng bà L không đến Tòa án làm việc hoặc gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật:

Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố

tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty, buộc bà L phải có trách nhiệm trả cho Công ty số tiền tiền vốn gốc 13.500.000 đồng và lãi phát sinh theo Hợp đồng cầm cố đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ, lãi suất 1,1%/tháng. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện về phần này. Bà L phải chịu án phí theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; ý kiến của đương sự; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Công ty Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết L thanh toán số tiền cầm cố tài sản theo hợp đồng cầm cố đã ký kết. Đây là tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hiện nay, bà L đang cư trú tại phường B, tỉnh Cà Mau. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt đương sự: Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kiều D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bà Nguyễn Thị Tuyết L là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D và bà L theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà L không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày ý kiến đến Tòa án. Căn cứ Điều 72, 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bà L đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình, từ bỏ quyền chứng minh và không phản đối những tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố do nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện nên căn cứ Điều 5 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần này.

[3] Về nội dung: Công ty Cổ phần S yêu cầu Tòa án buộc bà L phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty số tiền tính đến ngày 11/8/2025 là 21.900.150 đồng và tiền lãi tiếp theo, kể từ ngày 12/8/2025 cho đến khi thanh toán

xong nợ.

Để chứng minh yêu cầu khởi kiện, Công ty cung cấp hợp đồng cầm cố đề ngày 24/9/2020 giữa Công ty với ông L1. Xét thấy, tại thời điểm giao dịch các bên có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự, các bên giao kết hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 117 Bộ luật Dân sự hợp đồng cầm cố đảm bảo điều kiện có hiệu lực của hợp đồng và căn cứ Điều 309, 310 Bộ luật Dân sự thì hợp đồng cầm cố có hiệu lực từ thời điểm giao kết. Như vậy, có căn cứ xác định giữa Công ty với bà L có giao dịch cầm cố tài sản với nhau đối với chiếc xe mô tô kiểm soát 94K1-259.50, nhãn hiệu: Honda Airblade, Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 114005 do Phòng C Công an tỉnh B cấp ngày 24/6/2020 cho bà Nguyễn Thị Tuyết L.

Xét, quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố và việc giao nhận tiền: Ngày 24/9/2020 Công ty đã giao đủ số tiền cầm cố cho bà Nguyễn Thị Tuyết L theo hợp đồng cầm cố. Sau khi ký hợp đồng cầm cố, bà L không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán với Công ty. Kể từ ngày 24/11/2020 bà L đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền và cũng không trả lại xe máy cầm cố cho Công ty như đã thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ, nên Công ty yêu cầu bà L thanh toán tiền gốc và tiền lãi 1,1%/tháng tính từ ngày 24/11/2020 đến ngày 11/8/2025 là 04 năm 08 tháng 18 ngày tổng cộng là 21.905.100 đồng (trong đó số tiền vốn gốc 13.500.000 đồng, số tiền lãi 8.405.100 đồng) và tiền lãi tiếp theo kể từ 12/8/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 280, 357, 468 của Bộ luật Dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S được chấp nhận nên bà L phải chịu án phí là 1.095.255 đồng. Công ty Cổ phần S không phải nộp án phí sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Như đã phân tích, các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 72, Điều 91, Điều 5, Điều 244, khoản 1 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 117, 275, 280, 309, 310, 311, 314, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Điểm b khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S đối với bà Nguyễn Thị Tuyết L.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần S tổng số tiền tính đến ngày 11/8/2025 là 21.905.100 đồng (trong đó số tiền vốn gốc 13.500.000 đồng, số tiền lãi 8.405.100 đồng).

Kể từ ngày 12/8/2025, bà Nguyễn Thị Tuyết L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận Hợp đồng cầm cố số BAM200901040NA15X ngày 24/9/2020 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Công ty Cổ phần S.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết L phải nộp 1.095.255 đồng.

Công ty Cổ phần S không phải nộp án phí, đã dự nộp tạm ứng án phí 534.000 đồng *(Năm trăm ba mươi bốn nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000499 ngày 26/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 6 – Cà Mau), được hoàn lại toàn bộ.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 6 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 6 – Cà Mau;
- Đương sự
- Lưu.

Lâm Thị Tuyết Anh